

Khu vực phi chính thức ở Hà Nội: khía cạnh xã hội của sự phát triển

NGUYỄN HỒNG QUANG

I. Đặt vấn đề:

Những năm gần đây đã có một số công trình nghiên cứu về khu vực phi chính thức ở Việt Nam, cả trên lĩnh vực lý thuyết lẫn thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu khu vực này cũng đã được giới nghiên cứu quốc tế quan tâm, nhưng những nội hàm của nó vẫn chưa được thống nhất. Có rất nhiều khái niệm và định nghĩa, nhưng giới nghiên cứu vẫn chưa tìm ra được một định nghĩa chung và hoàn chỉnh về “khu vực phi chính thức”. Nhưng đó cũng là điều có thể hiểu được, bởi vì bản thân tính phi chính thức đã rất khó xác định giới hạn, mà đã không giới hạn được thì cũng khó định nghĩa.

Một số cơ quan như Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương đã có những công trình nghiên cứu tương đối quy mô và đi vào những vấn đề trọng yếu của khu vực này. Nhiều vấn đề đã được đưa ra xem xét như: cơ sở khoa học và thực tiễn của khu vực phi chính thức – những khía cạnh kinh tế của khu vực kinh tế này cũng như vấn đề giải quyết lao động và việc làm của khu vực phi chính thức v.v.. Nhưng theo chúng tôi, một trong những vấn đề lớn của khu vực kinh tế phi chính thức vẫn chưa được nghiên cứu đúng với tầm quan trọng của nó. Đó là khía cạnh xã hội hay là tác động xã hội của khu vực quan trọng này.

II. Vai đặc điểm của khu vực kinh tế phi chính thức của Việt Nam trong lịch sử

Xã hội Việt Nam là một xã hội nông thôn và nông dân. Trở lại lịch sử phát triển của nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, chúng ta thấy nền nông nghiệp trồng lúa nước của Việt Nam đã có một lịch sử phát triển rất lâu đời, và đã tồn tại như một nền nông nghiệp tự cấp, tự túc.

Một đặc điểm của khu vực phi chính thức là: khu vực phi chính thức thường là một bộ phận của xã hội đô thị và khu vực công nghiệp, nhưng ở Việt Nam khu vực này lại xuất hiện sớm hơn ở nông thôn. Do tính chất thời vụ của việc canh tác lúa nước, mỗi năm nông dân chỉ có việc làm ổn định từ 6 đến 8 tháng, đất đai nông nghiệp lại ít và manh mún, năng suất thấp, dân số lại tăng rất nhanh, người nông dân không thể sống thuần túy bằng nghề nông (nghĩa là chỉ dựa vào trồng trọt và chăn nuôi). Nông dân vùng đồng bằng Bắc bộ không bị thất nghiệp nhưng bán thất nghiệp, thiếu việc làm và việc làm không đủ sống là tình trạng phổ biến và đã kéo dài hàng thế kỷ nay ở nông thôn. Họ phải làm tất cả các loại nghề phụ, “đi chợ”, “làm thêm” đã trở thành quá quen thuộc đối với họ và là một bộ phận trong cơ cấu thu nhập của người nông dân. Số lượng nông dân tham gia vào khu vực phi chính thức ở nông thôn ngày càng lớn.

Sự phát triển kinh tế tại khu vực nông thôn có quan hệ chặt chẽ với các hoạt động phi chính quy. Việc cải cách khu vực nông nghiệp từ sau những năm 1988 với chế độ khoán hộ gia đình là điều kiện thuận lợi cho hoạt động của khu vực phi chính quy phát triển. Đặc biệt vào các thời kỳ nông nhàn, là lúc nông dân tìm đến với tất cả các loại việc được gọi là nghề phụ... Một bộ phận lao động từ nông thôn ra thành phố để kiếm việc làm, mà chủ yếu là các công việc trong khu vực phi chính quy là do có sự chênh lệch về thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

Ví dụ: có 64% số lao động khu vực phi chính quy có mức thu nhập bình quân từ 200.000đ/tháng – 500.000đ/tháng (thành thị 62%; nông thôn 74%). Trong đó mức thu nhập 500.000đ/tháng ở thành thị là 12%, nông thôn chỉ có 3%. Tuy nhiên, mức thu nhập dưới 100.000đ/tháng là không có ở nông thôn, điều này là khác biệt so với thành thị (6%).¹

Theo một nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Dân số và Nguồn Lao động vào những năm 1989-1990 có khoảng 8 triệu lao động (so với tổng số 25 triệu lao động nông thôn cùng thời điểm) tham gia vào khu vực kinh tế phi chính thức. Những người tham gia lao động ở khu vực này, mặc dù được gọi là “nghề phụ, làm thêm” nhưng đã mang lại một nguồn thu nhập góp phần tích cực vào việc ổn định đời sống của các gia đình.

Nông thôn Việt Nam lại có một sự gắn kết chặt chẽ đối với đô thị. Năm 1945, một số lượng rất lớn nông dân đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, một số tham gia vào quân đội, một số làm dân công và các công việc phục vụ kháng chiến. Sau năm 1954, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, một số lớn quân nhân cũng như cán bộ cách mạng đã di chuyển về các đô thị lớn như Hải Phòng, Hà Nội, trong đó Hà Nội chiếm số đông nhất. Từ đó hình thành một đội ngũ công chức ăn lương rất lớn.

Trong một thời gian rất dài của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, công nghiệp Việt Nam gần như không phát triển nhưng do viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa nên đội ngũ công chức ăn lương vẫn phát triển rất nhanh. Đây là một đặc điểm của quá trình đô thị hoá ở Việt Nam là công nghiệp chưa phát triển nhưng đô thị đã phát triển và một bộ phận lớn của cư dân đô thị không tham gia vào quá trình sản xuất công nghiệp. Điều này dẫn đến việc hình thành một đội ngũ công chức ăn lương lớn (do cơ chế kế hoạch hoá - vấn đề việc làm hoàn toàn do Nhà nước sắp xếp) tập trung ở các thành phố lớn và đặc biệt là Hà Nội. Bởi lẽ, Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của cả nước nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc bộ cho nên là nơi hội tụ của các luồng di chuyển dân cư.

Những năm gần đây do quá trình đổi mới ở nông thôn đã làm cho sản lượng nông nghiệp tăng lên nhưng kéo theo đó dân số cũng tăng nhanh và lực lượng lao động nông nghiệp dư thừa cũng tăng theo. Ở những tỉnh xung quanh Hà Nội như Hà Tây, Nam Hà, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương... đã có một bộ phận lao động nông nghiệp di chuyển về Hà Nội, hưởng các hoạt động kiếm sống, hoạt động dịch vụ của họ vào Hà Nội, nơi họ hy vọng có thể tìm ra một việc làm hoặc cơ may kiếm được bất cứ một công việc gì miễn là có thể kiếm được một chút thu nhập còn hơn là không làm gì cả.

III. Vấn đề lao động – việc làm trong khu vực phi chính thức ở Hà Nội

Xét trên khía cạnh dân số, có thể hình dung sự phát triển nhanh chóng của khu vực phi chính thức ở Hà Nội thông qua các số liệu thống kê chính thức như sau: dân số Hà Nội tính đến 1/4/1999 là 2.672.122 người, trong đó dân số nội thành là 1.538.905 người, mỗi năm tăng thêm

¹ Theo tổng luận khoa học: *Khu vực không kết cấu ở Việt Nam*. Hà Nội -1994, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

khoảng 70.000 người, kể cả tăng tự nhiên lẫn tăng cơ học. Theo số liệu của Sở Công an Hà Nội, nếu năm 1988, Hà Nội có khoảng 14.000 người nhập cư thì đến năm 1994 là 41.000 người nhập cư và tháng 6 năm 1997 số dân nhập cư là 110.000 người, cao gấp 8 lần so với năm 1988.

Trong số người nhập cư có 70% là số dân ngoại tỉnh tìm việc làm và chỉ có 17% trong số người nhập cư được nhập khẩu nghĩa là có lý do chính đáng như được các cơ quan nhận vào làm việc chính thức hoặc sum họp gia đình. Như vậy là còn 83% số lao động này hoặc tạm trú dài hạn hoặc không khai báo nhưng sẽ tham gia vào lực lượng lao động của thủ đô Hà Nội. Số người này gây ra không ít phức tạp trong quản lý trật tự, an toàn xã hội, giao thông đô thị, mỹ quan thành phố, đặc biệt làm tăng sức ép về cơ sở hạ tầng, về việc làm và phát sinh các tệ nạn xã hội. Mặt khác, do số lao động này lao động làm nghề tự do là chính, nên nhiều quyền lợi của người lao động bị xâm phạm (Báo Đầu tư - ngày 15/5/1997). Hà Nội hiện có khoảng 20-25 điểm “chợ người” nghĩa là nơi các lao động ngoại tỉnh tụ tập tìm việc làm ở các khu: đường Đê La Thành, phường Phúc Tân, dốc Bưởi, chợ Đồng Xuân - Bắc Qua, ga Hàng Cỏ... Phần lớn những người này làm nghề xây dựng, xe ôm, khuân vác, thợ cơ khí và sửa chữa nhỏ, thu mua phế liệu, người giúp việc tại các gia đình - các cửa hàng, bán hàng rong...

Chỉ cần dạo quanh phố phường Hà Nội và quan sát cũng có thể nhận thấy các hoạt động của khu vực kinh tế phi chính thức diễn ra từ lòng đường đến vỉa hè và những ngôi nhà mặt phố với vô vàn loại hình kinh doanh, dịch vụ rất phong phú và đa dạng. Từ những người bán hàng rong, quang gánh đến xe đẩy, xe đạp bán hàng, đánh giầy, sửa chữa xe đạp... Các dịch vụ kinh doanh được mọi lứa tuổi, nam, nữ, trẻ con từ 12-14 tuổi đến thanh niên, trung niên và người già tham gia. Từ khoảng 4 giờ sáng các hoạt động của khu vực phi chính thức đã bắt đầu hoạt động tại các chợ đầu mối đến các bến xe, bến tàu và kéo dài đến khoảng 12 giờ đêm. Một nghiên cứu đã đưa ra con số về cơ cấu lực lượng tham gia khu vực kinh tế phi chính thức tỷ lệ như sau:

- . 50% mới bước vào tuổi lao động
- . 10% đang làm ở khu vực chính thức đi làm thêm
- . 15% đã từng làm ở khu vực chính thức chuyển sang
- . 25% công nhân viên chức nghỉ hưu, mất sức, giảm biên chế và các lý do khác...²

Các nhà nghiên cứu đã thống kê được sơ bộ khoảng 60 nghề nghiệp hoạt động phi chính thức ở Hà Nội. Các nghề nghiệp có thể chia làm 3 nhóm như sau:

1. Nhóm 1: Hoạt động bán hàng gồm có các hình loại:

. Bán hàng rong bao gồm: bán trái cây rong, bán bánh kẹo rong, bán vé số số rong, bán tạp hoá rong, bán thuốc lá vỉa hè, bán quần áo cũ vỉa hè, bán xăng dầu vỉa hè, bán sách báo rong, bán cây cảnh rong, thu mua phế liệu...

. Bán hàng tại quây, tại nhà bao gồm: bán hàng nước vỉa hè hoặc tại nhà, bán cơm bình dân tại nhà, vỉa hè, bán các loại hàng ăn tại nhà hoặc vỉa hè, bán sách báo và số số tại nhà hoặc vỉa hè...

2. Nhóm 2: Hoạt động dịch vụ bao gồm:

. Đánh giầy, sửa chữa giầy, đánh máy thuê, giúp việc trong gia đình, uốn gội sấy, cắt tóc, gia sư, dạy thêm, may gia công tại nhà, sửa chữa xe đạp xe máy vỉa hè, phục vụ quán ăn,

² Điều tra nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và các vấn đề xã hội năm 1996.

nhà hàng, trông trẻ thuê, chụp ảnh tại các điểm du lịch, sửa khóa rong, trông giữ xe, chữa bệnh đông y, gia công các nghề như may vá, đóng sổ sách, làm thuê công nhật theo yêu cầu của các gia đình...

3. Nhóm 3: Hoạt động sản xuất bao gồm:

. Sản xuất các loại lương thực ăn sẵn như bánh mì, bún, phở..., các loại thực phẩm ăn sẵn...

. Các xưởng sản xuất nhỏ như mộc, đồ gốm, đồ nhựa gia dụng, các dụng cụ đồ dùng bằng nhôm...

Hai bảng số liệu thống kê dưới đây sẽ giúp hình dung về khu vực phi chính thức hiện nay.

Bảng 1: Tỷ lệ lao động tham gia khu vực phi chính thức (%)

	1985	1990	1991	1992	1993	1994
1. Khu vực doanh nghiệp (khu vực chính qui)	41,80	29,90	26,40	25,30	26,20	26,00
. Quốc doanh	41,80	28,50	25,80	23,70	22,80	22,50
. Ngoài quốc doanh		0,50	0,60	1,60	2,80	3,50
. Nước ngoài					0,60	
2. Khu vực phi chính qui	58,20	70,10	73,60	74,70	73,80	74,00
3. Tổng số (1+2)	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Vũ Quang Việt, ước tính từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng 2: Thu nhập bình quân từ “làm thêm” ở Hà Nội (đồng)

Nguồn thu nhập làm thêm (bình quân)	1994	1995	1996
1. Thu nhập từ sản xuất, dịch vụ	125.000	175.000	225.000
2. Thu nhập từ sử dụng mặt bằng sở hữu của gia đình	150.000	200.000	1.200.000
3. Thu nhập từ các hoạt động tại lòng, lề đường	100.000	150.000	150.000
4. Thu nhập của người có trình độ đại học	125.000	175.000	850.000

Nguồn: Viện Quản lý Kinh tế Trung ương.

Các số liệu ở trên cho thấy năm 1985, khi nền kinh tế vẫn còn bao cấp, tỉ lệ lao động của khu vực phi chính thức chiếm 58,2% lực lượng lao động và khu vực doanh nghiệp chiếm 41,8%. Đến năm 1994, khu vực phi chính thức chiếm 74% lực lượng lao động và khu vực doanh nghiệp chỉ còn 26%. Quá trình tăng dân số ở Hà Nội rất nhanh nhưng việc làm trong khu vực chính thức lại giảm đi nên khu vực phi chính thức ngày càng phình to ra.

Hà Nội là thành phố có số lượng cán bộ công nhân viên trong biên chế chiếm tỉ lệ lớn so với lực lượng công nhân viên chức cả nước. Hiện tại cả nước có khoảng trên 3 triệu người hưởng lương, riêng Hà Nội chiếm khoảng 10%. Các cuộc điều tra còn cho biết, trên thực tế, nói chung công nhân viên chức chỉ làm việc từ 40 – 60 % thời gian lao động, thời gian làm việc còn lại hoặc là họ nghỉ ngơi hoặc là họ tham gia các hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh trong khu vực phi chính thức để tăng thu nhập cho bản thân và gia đình.

Do sức ép của quá trình tăng dân số ở Hà Nội, lượng người đến độ tuổi lao động và dân ngoại tỉnh tràn vào Hà Nội tìm việc làm quá đông. Cùng với việc thay đổi cơ cấu kinh tế, phải kể thêm do quá trình sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, nên một lượng lớn lao động trong khu vực quốc doanh dôi ra (cả nước có khoảng 80 vạn lao động dôi ra theo ND176 và ND111). Hà Nội cũng chiếm một tỉ lệ cao do là khu đô thị lớn và nhiều lý do khác nữa nên áp lực giải quyết việc làm rất lớn. Do đó cơ cấu lao động của khu vực phi chính thức ở Hà Nội thu hút bốn bộ phận dân cư chính như sau:

1. Các cư dân đến tuổi lao động nhưng không kiếm được việc làm ở khu vực chính thức.
2. Những người ra khỏi khu vực kinh tế chính thức, những người nghỉ hưu, mất sức và các lý do khác.
3. Những cán bộ công nhân viên đang làm việc ở khu vực chính thức nhưng làm thêm ngoài giờ.
4. Các lao động và cư dân ngoại tỉnh, lao động trẻ em vào tìm việc làm ở Hà Nội.

Theo dự báo phát triển đến năm 2005, Hà Nội chỉ có thể giải quyết được công ăn việc làm cho 1/2 số lao động đến tuổi và trong độ tuổi lao động. Khu vực phi chính thức là nơi cuối cùng thu hút và giải quyết những vấn đề lao động, xã hội mà thực chất nó khó kham nổi.

IV. Những vấn đề xã hội của khu vực phi chính thức ở Hà Nội

Do khả năng thích nghi rất nhanh đối với những biến đổi của sự phát triển, nên khu vực phi chính thức đã làm nguội đi rất nhiều vấn đề xã hội mà do những khó khăn kinh tế tất yếu sẽ nảy sinh. Khu vực này đã tạo nên được hàng vạn việc làm cho lực lượng lao động bất kể tuổi tác và giới tính, từ người già đến thanh niên, từ phụ nữ đến trẻ em. Khu vực kinh tế phi chính thức đã có đóng góp rất lớn đối với việc ổn định xã hội. Nó góp phần cải thiện chất lượng sống cho một bộ phận công nhân viên chức Nhà nước (do có việc làm thêm), chống đói nghèo đối với một bộ phận dân ngoại thành Hà Nội và các tỉnh lân cận, và quan trọng nhất là giải quyết công ăn việc làm giúp ổn định đời sống xã hội cho phần lớn thanh niên đến độ tuổi lao động. Như một sự điều tiết xã hội, khu vực phi chính thức đã giải quyết được những khó khăn rất lớn cho xã hội đối với đời sống của người dân mà không đòi sự can thiệp của Nhà nước hoặc chính quyền.

Do vậy khu vực phi chính thức phải được nhìn nhận như một tất yếu khách quan của bất kể nền kinh tế nào và đặc biệt trong nền kinh tế thị trường tại các nước đang phát triển. Dù dưới góc độ nào đi nữa, cũng thấy rằng khu vực này có vai trò quan trọng trong việc thỏa mãn nhu cầu hàng hóa và dịch vụ ở những nơi mà khu vực chính thức không thể đảm đương hết, nơi tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho cá nhân, hộ gia đình và xã hội, là khu vực hỗ trợ cho nguồn sinh sống của người nghèo và góp phần giảm nghèo đói.

Nhưng khu vực kinh tế phi chính thức cũng có những mặt trái của nó. Do đây là cơ may cuối cùng của người lao động nên khu vực này cũng để ra nhiều vấn đề xã hội. Một điều dễ thấy là khu vực kinh tế này tập trung chủ yếu những người không có việc làm, những người nghèo nhất trong xã hội lại không được đào tạo đến nơi đến chốn từ trình độ học vấn đến nghề nghiệp. Vì vậy, với đặc điểm là khu vực “kinh tế người nghèo”, vấn đề việc làm của lao động trong khu vực này là vấn đề đáng được quan tâm một cách nghiêm túc. Bởi lẽ, với đặc thù của nó, với thực trạng hiện nay, đây là khu vực làm giảm gánh nặng việc làm, tuy nhiên lại làm xuất hiện một loạt các vấn đề xã hội khác.

Do trình độ hạn chế, làm việc vất vả, đời sống tinh thần rất nghèo nàn nên các tệ nạn xã hội phát triển ở khu vực này rất nhanh. Cờ bạc, mại dâm, ma túy, trộm cắp, cướp giật phần lớn đều từ đây mà ra. Theo số liệu điều tra chính thức của công an Hà Nội, chỉ tính từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1998, Hà Nội đã bắt được 9.611 người sử dụng ma túy (trong đó độ tuổi từ 18-35, chiếm 78,7%) và loại không có nghề nghiệp chiếm 92%. Công an cũng bắt giữ 915 vụ cùng với 1.886 đối tượng buôn bán và tàng trữ, sử dụng ma túy kèm theo đó có hơn 1.000 đối tượng nghi vấn có hoạt động tội phạm ma túy. Số gái mại dâm, hoạt động bia ôm, karaoke trên địa bàn Hà Nội cũng lên đến hàng nghìn người. Qua điều tra, phỏng vấn những phạm nhân cho thấy: phần lớn họ làm việc tại khu vực phi chính thức hoặc không có việc làm ổn định.

Việc dân di cư tự do, không được kiểm soát đã tập hợp với nhau thành hàng trăm xóm bụi, xóm liều với các khu nhà trọ rất lộn xộn, kém vệ sinh đã tạo nên một cuộc sống rất tồi về môi trường và sức khỏe, tính mạng luôn bị đe dọa. Các hệ thống bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động hoặc tai nạn... gần như không tồn tại ở khu vực phi chính thức.

Một vấn đề khác ở khu vực phi chính thức tại Hà Nội là số lượng trẻ em tham gia hoạt động ở khu vực này rất đông. Nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và các vấn đề xã hội trong năm 1996 được tiến hành bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 83 trẻ làm việc ở một số ngành nghề trong khu vực kinh tế phi chính thức trong các lĩnh vực như sản xuất và kinh doanh (nhà hàng, khách sạn, bán hàng, phục vụ bán hàng, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ...) cho biết: trong số trẻ em được phỏng vấn có 92% không có kỹ năng làm việc, 60% trẻ từ 13-14 tuổi, 84,34% từ nông thôn lên tìm việc làm, 7,23% là người Hà Nội, 8,43% là người ở đô thị khác đến, 2/3 trong số trẻ là con gái. 65% số người được hỏi cho biết nguyên nhân phải đi làm sớm là vì gia đình quá nghèo, số còn lại do hoàn cảnh bố mẹ li dị. Trong số trẻ em đó có tới 31% là có được đi học trước khi đi làm và 20% là chưa bao giờ từng được đi học. Phần lớn trẻ phải làm việc trong môi trường bị ô nhiễm rất nặng và thời gian làm việc thường kéo dài từ 8 đến 16 giờ một ngày.

Có thể tóm lược các khía cạnh xã hội về khu vực phi chính thức ở cả hai khía cạnh tích cực và tiêu cực như sau:

Những khía cạnh tích cực:

Với tư cách là khu vực “kinh tế người nghèo” khu vực phi chính thức góp phần tạo thêm việc làm, thu nhập và tăng thu nhập cho một bộ phận lớn dân cư góp phần giảm tỷ lệ nghèo đói.

Làm giảm áp lực về việc làm cho người lao động, đặc biệt đối với người lao động có trình độ văn hóa và chuyên môn kỹ thuật thấp, vốn nhỏ, không có hoặc thiếu địa điểm để sản xuất, kinh doanh.

Đáp ứng một phần về nhu cầu hàng hóa, dịch vụ mà khu vực chính thức không có khả năng đảm đương hết.

Góp phần tham gia quá trình điều tiết về lao động - hàng hóa của thị trường. Tham gia đóng góp vào sự tăng trưởng GDP, đưa đến một số khả năng điều chuyển sang khu vực kinh tế chính thức khi có các điều kiện cần thiết...

Những khía cạnh hạn chế, tiêu cực:

Nhà nước khó kiểm soát các hoạt động của khu vực phi chính thức đặc biệt trong việc thu thuế.

Không tiếp cận được với các hệ thống tài chính tín dụng, bảo hiểm xã hội và phúc lợi xã hội.

Người lao động trong khu vực phi chính thức do hạn chế về hiểu biết nên hay vi phạm pháp luật, hoạt động kinh doanh của họ làm mất mỹ quan, trật tự đô thị.

Thường không khai báo tạm trú, tạm vắng, chỗ ở không ổn định, khó kiểm soát nên dẫn đến phát sinh các tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma túy, mại dâm, trộm cắp...). Hay sản xuất hàng giả, hàng cấm...

V. Kết luận

Cũng giống như các thành phố lớn khác, Hà Nội chịu rất nhiều sức ép từ khu vực phi chính thức. Việc giải quyết việc tăng dân số cơ học dẫn đến tình trạng thừa lao động phổ thông như thế nào, chống tệ nạn xã hội ở khu vực này ra sao, quy hoạch dân cư tại các khu vực bãi rác, ven sông, ven đê... đang là một vấn đề rất nan giải và rất khó khăn đối với các nhà quản lý hiện nay. Có nhiều vấn đề đang đặt ra đối với một đô thị lớn là đầu mối chính trị và kinh tế quan trọng của cả nước đòi hỏi phải có một nghiên cứu, đánh giá và nhìn nhận lại với đúng tầm quan trọng của khu vực kinh tế này với sự phát triển của Hà Nội.

Xét trước mắt cũng như lâu dài, khu vực phi chính thức của Hà Nội còn chứa đựng rất nhiều tiềm năng, cần có một hệ thống chính sách và cơ chế phát triển nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung hóa sản xuất để tăng hiệu quả kinh tế cho các doanh nghiệp.

Cần xác định khu vực kinh tế phi chính thức là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và có vị trí rất lớn đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở khu vực đô thị. Bởi lẽ với vai trò nhất định của khu vực phi chính thức trong giai đoạn chuyển đổi, cần có một khung mang tính pháp lý hợp lý về mặt Nhà nước để cho khu vực này được hoạt động và phát triển tự do trong môi trường đó, tự nó sẽ phát triển theo đặc thù của nó. Đến một giai đoạn nhất định, khi nền kinh tế xã hội phát triển, hệ thống luật pháp, thể chế hoàn thiện dần thì khu vực này tự nó điều chỉnh theo chiều hướng hẹp và một bộ phận sẽ chuyển vào khu vực chính quy.

Tài liệu tham khảo:

1. *Khu vực kinh tế phi chính quy - Một số kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi kinh tế*. Viện Quản lý Kinh tế Trung ương. Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia. Hà Nội-1997.
2. *Khu vực phi kết cấu ở Việt Nam*. Trung tâm Thông tin Khoa học Lao động và Xã hội. Tháng 1-1994.
3. *Cơ sở khoa học và thực tiễn về khu vực kinh tế phi chính quy và vai trò của nó trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta*. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 1997.
4. *Kinh tế phi chính quy tại thành phố Hồ Chí Minh*. Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh-1998.
5. *The Informal Sector Revisited*. Development Centre of the Organisation for Economic Co-operation and Development. Paris 1990.